

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thắm

2. Bà Trương Ngọc Diệp

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **149/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về “Hôn nhân và gia đình”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lùm Thị N

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Đặng Minh G

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lùm Thị N trình bày: Bà và ông Đặng Minh G chung sống với nhau từ năm 1992, cả hai chung sống với nhau như vợ chồng, không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm hai bên không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà N nhận thấy không thể hàn gắn được với ông G nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông G được ly hôn.

Thời gian chung sống bà và ông G có 03 con chung tên Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1993, Đặng Thị Diễm K, sinh năm 1993 và Đặng Nhật H, sinh năm 2001, hiện tại các con đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **ông Đặng Minh G** quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà bà Lùm Thị N, ông Đặng Minh G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là ông Đặng Minh G hiện tại có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Lùm Thị N và bị đơn ông Đặng Minh G được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà N yêu cầu ly hôn, ông G chưa có ý kiến. Xét thấy bà N khởi kiện cho rằng bà và ông Đặng Minh G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn và có 03 con chung. Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông G biết về việc khởi kiện của bà N nhưng ông G không đến tòa để trình bày ý kiến của mình. Tuy ông G chưa thể ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng cũng không có ý kiến phản đối. Căn cứ giấy khai sinh của Đặng Thị Hồng T, Đặng Thị Diễm K và Đặng Nhật H mà bà N đã cung cấp thể hiện bà Lùm Thị N là mẹ, ông Đặng Minh G là cha. Do đó có căn cứ xác định bà N và ông G

đã từng chung sống với nhau như vợ chồng. Do bà N và ông G chung sống không tiến hành đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Bà N có yêu cầu ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Lùm Thị N và ông Đặng Minh G là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Bà N và ông G chung sống có 03 con chung tên Đặng Thị Hồng Thủy, sinh năm 1993, Đặng Thị Diễm Kiều, sinh năm 1993 và Đặng Nhật Hào, sinh năm 2001, hiện nay các con điều trưởng thành nên bà N không yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Lùm Thị N chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng **Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53** Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lùm Thị N và ông Đặng Minh G là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Buộc bà Lùm Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008911 ngày 25/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà Lùm Thị N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn